

# Đôi điều về chữ Nôm và giọng Quảng Nam (phần 1)

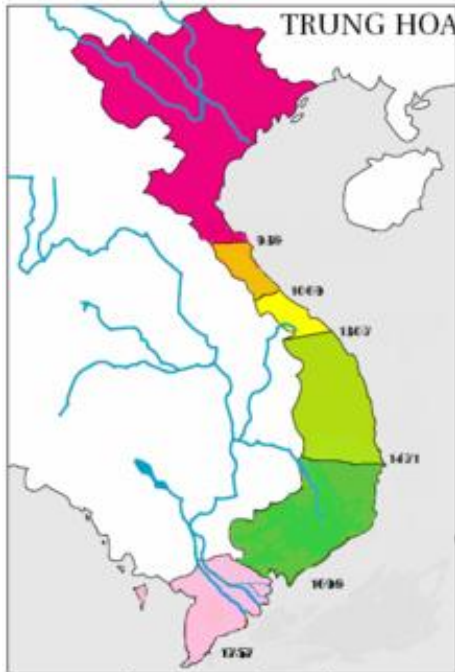
*Nguyễn Cung Thông\* (Melbourne, Úc)  
nguyencungthong@yahoo.com*

Vừa nghe lại các bài ca Mưa Chiều Kỷ Niệm, Nỗi Buồn Hoa Phượng, Tình Bơ Vơ ... bằng giọng Quảng (Nam), xem trang YouTube này [[www.youtube.com](http://www.youtube.com/watch?v=IM6dzrmTx8w)] hay <http://www.youtube.com/watch?v=IM6dzrmTx8w> ... càng nghe càng thấy thấm thía, nhân đây cũng ghi lại vài nhận xét và các dữ kiện liên hệ.

## 1. Tại sao đọc là Nôm thay vì Nam 喃

Nhắc đến giọng Quảng (Nam) chúng tôi lại nghĩ đến (cách đọc) chữ Nôm 字喃 - tại sao lại đọc là Nôm từ Nam ra Bắc, từ Thừa Thiên đến Rạch Giá .... Đây cũng là giọng Quảng khi phát âm làm thành lôm, Nam thành Nôm ... Không những thế, thời vua Trần Nhân Tông (khi chữ Nôm khởi sắc như qua Cư Trần Lạc Đạo phú ...) được Chế Mân nhượng cho Châu Ô và Châu Rí thuộc địa bàn Quảng Nam: cũng là khi người Việt định cư ở các khu này (trong tiến trình Nam Tiến). Do đó, cách đọc chữ Nôm (thay vì chữ Nam) là một **dấu ấn thời-không-gian** (time-space impression) của ngôn ngữ: thời gian là khi chữ Nôm khởi sắc và cho ra các tác phẩm giá trị (cần thiết cho văn học độc lập cũng như truyền thông ở biên giới phía Nam) hay là vào khoảng thế kỷ XII, XIII ; không gian là địa bàn tỉnh Quảng Nam nơi mà phương ngữ vẫn còn đọc Nam là Nôm.

Xem bản đồ Nam Tiến của dân tộc Việt (trích từ trang [[vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)] )



Tiến trình Nam Tiến của dân tộc Việt

Khi còn nhỏ, lớn lên trong một gia đình di cư từ Bắc vào Sài Gòn – chúng tôi nghe giọng Quảng (Nam) thấy rất lạ và thường nhái theo ... Nhưng sau này, học hỏi và tìm tòi thêm, mình mới nhận ra các giọng 'quê mùa ấy' lại bảo quản một số âm cổ (Việt) và có nhiều dữ kiện rất quý báu cho sự hiểu về quá trình hình thành tiếng Việt<sup>1</sup>. Có khả năng là giọng Quảng Nam đã từng được dùng làm 'tiếng Việt chuẩn' theo tác giả Phan Thanh Minh<sup>2</sup>

'... Tiếng Quảng thô, nhưng đã có một thời Quảng Nam được công nhận. Sách “Đại Nam nhất thống chí”, quyển 5 (tỉnh Quảng Nam), mục phong tục, có viết: “Chỉ như ngữ âm bình lượng, thị chư tỉnh vi thích trung, tuy kinh sư diệc dĩ Quảng Nam âm vi chính”, dịch: “Còn như tiếng nói thì bình dị rõ ràng, so với các tỉnh thì đây vừa thích trung, tuy kinh sư cũng lấy tiếng Quảng Nam làm chính” ...' (hết trích). Cũng đáng nhắc ở đây là **Nôm** (gió Nôm) chữ **Nôm** đều dùng chữ Nam 南 hay chữ Nam hợp với bộ vũ (tự điển Taberd) 霽. Cái **nom** (đom<sup>3</sup> bắt cá) chữ Nôm cũng dùng chữ Nam hợp với bộ trúc 箒. **Nom** (chăm nom, nom dỗi) có một dạng ngạc cứng hóa (palatalised) là **nhòm** (ống nhòm, ống **dòm**) và một dạng chữ Nôm là 瞞 ...v.v...

...

*Đường thuyền úp cá hiệu rằng cái nom*

(Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa, Mục Tát Vững - xem thêm chi tiết phần Phụ Chú số 1)

...

箔箏 *bạc nom*  
笙箏 *thuyền nom* (Ngũ Thiên Tự - trang 80, 82, 90)

...

笙箏 *thuyền nom* (Tam Thiên Tự - trang 16)

*Thả thả chẵn chẵn ít lại nom* 瞞 (Hồng Đức quốc âm thi tập)

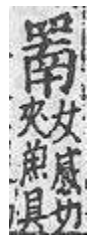
*Gã mục dè châm dĩa tới nom* 瞞 (Hồng Đức quốc âm thi tập)

...

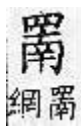
Thời từ điển Việt Bồ La ra đời (1651) thì **Nôm** đã có những biến âm như **Nòm** và mang một phạm trù nghĩa nhất định tuy có liên hệ đến Nôm: gió Nòm là gió từ hướng đông nam chứ không phải là gió từ hướng nam (gió Nam), so sánh với gió Bắc (Bóc, hay gió Bắc). Nòm hiện nay lại mở rộng nghĩa để chỉ hiện tượng âm ướt (vì gió Nòm từ biển thổi vào) trong nhà. Phần sau sẽ đi sâu hơn vào vốn từ Hán cổ cho thấy các dạng nom/nôm và nóm/nắm đã từng được các tài liệu Trung Quốc xưa ghi nhận.

## 2. Nôm/ nôm và nóm/nóm

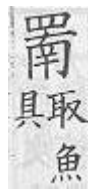
**2.1** Nôm, có nơi ghi là nôm<sup>4</sup>, là dụng cụ bắt cá từ phương Nam, Nôm còn có thể viết bằng bộ võng hợp với chữ Nam 罟 hiện diện trong vốn từ Hán cổ từ thời Ngọc Thiên 玉篇 (năm 543 SCN) đọc là nữ cảm thiết/nãi cảm thiết/nô cảm thiết hay **\*nom/nam**; cho đến thời Quảng Vận lại đọc là lỗ cảm thiết 魯敢切 (**lãm**, lẫn lộn n/l khi đọc \*nam thành \*lam) và trở thành cách đọc chuẩn!



Ngọc Thiên (543 SCN)



Quảng Vận (1008)



Tập Vận (1037/1067)

...v.v...



Hình ảnh xưa đi ‘nom’ ở Đông Kinh (Tonkin) - trích từ chùm ảnh xưa về các nghề mưu sinh ở Đông Dương <http://www.indochine-souvenir.com/metiers/>



< Xách nôm qua đoạn nước sâu. - hiện nay ở Quảng Nam vẫn còn ‘đi nom’;  
"Nghề" nôm không phân biệt già trẻ, nam nữ. - trích từ bài báo (22/8/2012)  
<http://dulich.blognhanh.com/2012/08/nom-ca-mua-he.html> hay bài báo (11/12/2012) viết về cả

làng đi nôm cá ở Quảng Nam [http://www.qdnd.vn/qdndsite/vi-VN/61/43/7/24/24/219860/Default.aspx ...v.v...](http://www.qdnd.vn/qdndsite/vi-VN/61/43/7/24/24/219860/Default.aspx...v.v...)

**2.2 Nắm/núm/nuôm:** cũng từ cách dùng chữ nam 南 để ký âm như trên mà ta có thể thấy cấu trúc chữ hiêm \*nóm/nắm 搨 - hiện diện ít nhất vào thời Ngọc Thiên với các dữ kiện sau (xem hình chụp bên dưới)

*奴感切 nô cảm thiết 搨也 nạch dã*

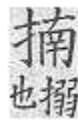
Chữ 搨 đọc là \*nóm/nắm nghĩa là **nắm** lấy (tiếng Việt còn dùng dạng cổ hơn là **núm** lấy) - một dạng ngạc cứng hóa là **nhắm** (Việt Bồ La/1651). Các dạng nắm núm nuôm - lúm (má lúm đồng tiền) và nhóm (nhúm), tóm (túm) so với chòm (chùm, xóm - chòm còn là một đơn vị mừng nhỏ), lòm (lùm) cho thấy khả năng nguồn gốc phương Nam (tiếng Việt cổ) của nắm/núm. Do đó chữ 搨 có thể là ký âm của \*nóm (núm)/nắm của tiếng Việt nhập vào và làm vốn từ Hán (cổ) trở nên rất phong phú, cùng với chữ \*nôm 𠵹



Ngọc Thiên (543 SCN)



Quảng Vận (1008)



Tập Vận (1037/1067)

...v.v...

Các dữ kiện trên khiến ta phải suy nghĩ lại về giai đoạn hình thành chữ Nôm<sup>5</sup> (hay đóng góp của Quốc Âm vào vốn từ Hán): có thể trước đời Đường (618-907) phù hợp với đề nghị của Phạm Huy Hổ (chữ Nôm có từ thời Hùng Vương) hay Văn Đa Cư Sĩ Nguyễn Văn San (chữ Nôm có từ thời Sĩ Nhiếp). Đây là một đề tài rất thú vị nhưng không nằm trong phạm vi bài này.

\***Nguyễn Cung Thông**: Công Ty Cố Vấn Giáo Dục (Education Consultant) - email address [nguyencungthong@yahoo.com](mailto:nguyencungthong@yahoo.com)

### 3. Phụ chú và phê bình thêm

#### 3.1 Phụ chú

Phần này không hoàn toàn theo cách ghi tài liệu (Bibliography) tham khảo APA hay MLA vì bao gồm các phê bình thêm về đề tài, tài liệu và tác giả để người đọc có thể tra cứu thêm chi tiết và chính xác. Bạn đọc nào thấy thích thú thì có thể xem thêm chi tiết bài viết "Vài nét về di sản Hán Nôm ở Quảng Nam" của tác giả Tôn Thất Hương trên mạng <http://www.dtdtqnam.gov.vn/nghien-cuu-di-tich-danh-thang.aspx?name=126-vai-net-ve-di-san-han-nom-o-quang-nam>

1) ngoài tương quan **Nôm Nam** như trên, một số biến âm (địa phương) đã thành chuẩn như con \*hàm (chữ Nôm 豨 : bộ khuyển + chữ hàm 含) bây giờ ai cũng đọc là hùm (hòm - thời tự điển Việt Bồ La/1651). Tương tự ta có cách đọc **hòm** so với **hàm** 函 ... Một chữ trong truyện Kiều mà chúng tôi rất thích đọc và tìm hiểu thêm là

*Một vùng cỏ áy bóng tà* (câu 97) - áy viết (chữ Nôm) là ái 愛 (từ Hán Việt là yêu, mến ...) - theo thiển ý nên đọc là **úa** (một đặc tính của giọng Quảng - quê chua/choa ...).

**Ăn** chữ Nôm là 啖 với thanh phù là an 安, tuy nhiên còn có thể đọc là yên (so với giọng Quảng Nam **en**); yên (ngựa) 鞍 với cách đọc yên đã trở thành chuẩn (không nghe ai đọc là \*an ngựa). Khuynh hướng chuyển nguyên âm về phía trước (a thành e, front vowel) là một đặc tính khác của giọng Quảng Nam mà yên là một dạng gần với âm en hơn so với âm an; các trường hợp tương tự là từ Hán Việt yền (yên) 燕 **én**, yêu 腰 eo ...v.v... Ngoài các cách phát âm đặc biệt trên, cách dùng từ QN cũng đáng chú ý: như cái **ảng** (hay **ang**, **áng** là đồ đựng nước), một dạng chữ Nôm là 𪔵 (theo tự điển Taberd/1772-1838, nghĩa tiếng Hán là trần ai/bụi bặm), Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa dùng chữ **ương** 央 để chỉ ang. so với "Tự Đức thánh chế giải nghĩa ca" cách dùng thanh phù **an** 安 hợp với bộ thổ. Trong Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa (Trần Xuân Ngọc Lan phiên âm và chú giải, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1985) vẫn còn ghi (Mục Khí Dụng)

...  
*Áng bồn chậu áng chãng làm*

...

...

*Chãng cong chãng lọ chãng vò chãng ang*

...

Để chỉ cái bồn đựng nước, tiếng Hán cổ còn dùng chữ 盎 (đọc là áng theo âm Hán Việt), xem cách phiên thiết của chữ 盎

*烏浪切 ô lãng thiết (âm áng) theo Thuyết Văn Giải TỰ/TVGT, Đường Vận, Tập vận ... TVGT còn ghi thêm nghĩa của áng là 盎也 bồn dã*

Trong vốn từ Hán Việt, tên các dụng cụ chứa chất lỏng như **oanh** 罍, **anh** 罍 (oanh nhỏ hơn anh), **úng** 甕 瓮 ... có thể liên hệ đến **\*áng**. Thí dụ như anh 罍 phiên thiết là 烏莖切 (ô hành thiết/Quảng Vận) hay 於莖切 (ư hành thiết/Tập Vận) so với giọng Quảng Đông aang1, Triều Châu ang1 ... Vận mẫu là 彭 (bành, bang, bàng), do đó một dạng âm cổ phục hồi của anh là \*ang (hay **ʔeŋ** theo IPA). Tiếng Tày-Nùng có *áng* chỉ bát sứ to, so với tiếng Thái ၁၅၅ àang chỉ cái bồn và tiếng Khme **ang** là bồn (*ang tức* là bồn nước). Tiếng Mường (Bi) dùng *ang* như trong cách dùng '*cái ang nì pãng khènh*' (cái ang này bằng sành). Xem thêm chi tiết các dạng âm cổ phục hồi của áng 盎 trang này <http://ytenx.org/dciangx/dzih/%E7%9B%8E/> . Theo GS Axel Schuessler thì \*áng (ang, áng) có khả năng là từ **Nam Á** (Austroasiatic) trang 151, trong cuốn "ABC Etymological Dictionary of Old Chinese" NXB University of Hawai'i Press (Honolulu, 2007). Tam Thiên Tự còn ghi

*盎埴 áng chậu*

**Cong** là âm cổ của **cang/hang** 缸 là bình đựng (rượu, nước ...) bằng sành; tự điển Việt Bồ La (1651) còn ghi **caõ** so với tiếng Mường (Bi) *không* là hũ, *không đổng hão* là hũ đựng rượu (cong đựng rượu), *không khènh* là hũ sành (cong sành). **Cóng** còn là đồ đất nung như cái thạp nhỏ (Việt Nam Tự Điển 1931/1954) như *cóng chè ...v.v...*

Tiếng QN **trịt** hay **trệt** là **tet** (mũi, mũi xẹp). Một danh chữ Nôm dùng chữ Hán **triệt** 徹 để chỉ trịt, và chữ trịt đã hiện diện trong các tự điển Taberd (1772-1838, không thấy dùng tet), tự điển J. Bonet (1899, tet là từ tượng thanh như *rách tet* ...); Đại Nam Quốc Âm Tự Vị của P. Của (1895, tet là từ tượng thanh như *xé tet*) - chữ Nôm dùng **tiệt** 截 (nghĩa HV là cắt đứt, rãnh rẽ ...) Để ý là từ điển Việt Bồ La (1651) có ghi tet trong cách dùng *Blái Tet* (trái hư vì thời tiết) nhưng không thấy dùng chữ trịt. Thời Việt Nam tự điển (Khai Trí Tiến Đức, 1931/1954) và tự điển Việt-Hoa-Pháp (G. Hue, 1937) đã có cả hai từ tet (mũi tet) và trịt (trịt mũi). Một trong những bút hiệu của

học giả Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936) là *Mũi Tẹt Tử* cho thấy tẹt (mũi) được dùng từ đầu thế kỷ 20, phù hợp với các tài liệu đã dẫn bên trên. Tương tự là tự điển "*Dictionnaire franco-tonkinois illustré*" (P G Vallot, 1899) cũng ghi các từ *camus, épaté* là *mũi trĩt, tẹt* nhưng Trương Vĩnh Ký trong "*Petit dictionnaire francais annamite*" (1884) lại không dùng trĩt hay tẹt mà là *sép mũi, mũi chêm bẹp*. Rõ ràng là "tiếng Quảng Nam" còn duy trì một số cách dùng cổ mà ngày nay "tiếng Việt" không còn thấy dùng như trước.

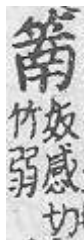
Không nên xem các giọng địa phương như giọng Quảng Nam/QN, Nghệ An ... là sai chính tả - như hàm ý của một bài báo mới đây của đài VOV trang này <http://vov.vn/Van-hoa/Ngo-ngang-nghè-Anh-Tuyet-hat-giong-Quang-Nam/225996.vov> ... Hay thử trích một đoạn từ bài viết (2/10/2012) trang báo này <http://www.viendongdaily.com/thu-voi-ban-ta-ngay-2-thang-10-nam-2012-QSLH58kj.html>

'...Giọng nói của người Quảng Nam bị lôi ra diều khá nhiều. Ông Nguyễn Cao Kỳ có lần đã phải xin lỗi vì nhái tiếng Quảng tại một cuộc họp báo khi hỏi các nhà báo rằng báo chí có còn "théc méc" gì nữa không...' (hết trích)

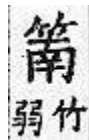
Xem thêm bài viết "*Nhận xét về các nguyên âm của một phương ngữ ở tỉnh Quảng Nam*" trong cuốn "*Tiếng Việt - mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*" NXB Giáo Dục, Thành Phố HCM (2003).. Những giọng địa phương (quê mùa) như giọng Quảng Nam, Quảng Bình, Nghệ An ... nhiều khi còn mang '*nhiều chất Việt*' hơn nơi nào hết! Xem thêm chi tiết về album mới ra của Ánh Tuyết <http://www.thanhvien.com.vn/pages/20130114/anh-tuyet-ra-mat-album-bang-giong-quang-nam.aspx>

2) Phan Thanh Minh 2011 "*Tiếng Quảng Nam*" đăng trên báo Lao Động Điện Tử ngày 1/10/2011 (phần Lao động cuối tuần) - xem trang này <http://laodong.com.vn/Lao-dong-cuoi-tuan/Tieng-Quang-Nam/49564.bld> hay <http://thoisuqr.com/vi/news/Giai-tri/Tieng-Quang-Nam-minh-45/>

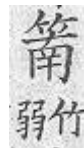
3) \*nởm 箒 tiếng Hán là 弱竹 nhược trúc (tre non) , không liên hệ gì đến nôm (dụng cụ bắt cá làm bằng tre) tiếng Việt; thành ra chữ Nôm nôm 箒 có khả năng rất lớn là loại chữ tự tạo:



Ngọc Thiên 玉篇



Quảng Vận 廣韻



Tập Vận 集韻





Chánh Tự Thông 正字通

4) **nơm** ghi là **nôm** như trong bài viết về các nông cụ Việt Nam vang bóng một thời - xem trang này [http://www.phatgiaodaichung.com/Bai2011\\_04/NPTnongcuvn.pdf](http://www.phatgiaodaichung.com/Bai2011_04/NPTnongcuvn.pdf)

5) cần phân biệt các giai đoạn hình thành chữ Nôm so với giai đoạn chữ Nôm cực thịnh (phản ánh qua các tác phẩm văn chương và thi phú).

## 3.2 Phê bình thêm

**3.2.1** Từ năm 1932, học giả Phan Khôi (gốc Quảng Nam) đã đề nghị tương quan Nôm và nam cũng như (gió) Nôm - trích trang này <http://lainguyenan.free.fr/pk1932/TenGio.html>

### 'TÊN GIÓ BỐN HƯỚNG

*Gần đây tôi có được thư một vị độc giả hỏi một điều hơi rắc rối mà cũng có ý vị. Vậy sau khi trả lời bằng thư riêng cho người hỏi, tôi đăng luôn cả cuộc vấn đáp lên báo, vì tưởng là không đến nỗi vô ích vậy. Bức thư hỏi như vậy:*

*« Bạc Liêu, le 8 Novembre 1932*

*Ông Phan Khôi,*

*Kính ông,*

*Từ ngày báo Phụ nữ tân văn thêm mục Hán văn độc tu, thì mỗi tuần tôi đều đọc kỹ. Nhờ vậy học thêm nhiều tiếng, phân biệt được nhiều nghĩa rõ ràng, nên tôi cảm bội vô cùng.*

*Bấy lâu nay chưa được nghe ai cắt nghĩa chuyện này, tuy là không ăn nhập vào những bài dạy của ông, nhưng nhờ ông là người đa văn quảng kiến, xin chỉ giùm câu chuyện sau đây, mà tôi đem hỏi ông, vì có thấy trong báo Phụ nữ số 175 ngày 3.11.1932, bốn chữ đông, tây, nam, bắc.*

*Tại sao gió hướng tây thổi đến, người ta lại gọi là gió nam? Còn gió hướng nam lại gọi là gió nồm?*

*Gió chướng bên phía đông thổi qua là tiếng đã thường nghe. Duy có hai tên gió nói trên đây không trùng với tên hướng, bởi vậy mỗi khi nghĩ đến mà cắt nghĩa không xuôi thì trí chẳng toại chút nào.*

*Muốn hiểu nghĩa cho cùng, vậy xin ông vui lòng giải giùm minh bạch, đừng giúp kiến văn cho người ít học...*

*Trần Văn Tĩa*

*Conseiller provincial*

*Canton de Thanh Hưng Bạc Liêu"*

*Bức thư trả lời:*

*Saigon, le 11 Novembre 1932*

*Ông Trần Văn Tĩa,*

*Tiếp được thư ông hỏi tôi về mấy điều, vậy tôi xin trả lời cho ông như sau đây. Điều tôi nói đây chẳng do sách vở nào hết, chỉ đoán phỏng mà nói. Vậy xin ông coi như là một lời giảng giải chưa định, chớ khá tin trọn ở đó mà có khi sai chẳng.*

*Ông hỏi tại sao gió hướng tây thổi đến lại gọi là gió nam, còn gió hướng nam lại gọi là gió nồm?*

*Xứ ta (nhứt là Trung kỳ) kêu bằng gió nam đó không phải là gió hướng tây như ông nói đâu, mà thật ra là gió tây nam. Từ tây nam sang cho nên nó đem hơi nóng sang, thành ra gió nam xứ ta thì nóng. Phía tây nam của xứ ta là một giải lục địa lớn (un grand continent), trong đó có mấy cái sa mạc (désert), cho nên gió đem khí nóng sang là phải; sách địa dư cũng nói gió lục địa là gió nóng. Tây nam mà tục ta lại quen kêu là gió nam, có lẽ là tại lúc đầu người mình không biện biệt phương hướng cho thật rõ, tưởng là gió chánh nam cho nên nói nam mà bỏ tây đi đó thôi.*

*Còn gió nồm là từ đông nam thổi sang chớ không phải chánh nam như ông nói. Đông nam của xứ ta là biển. Gió biển cho nên hễ nồm thì mát. Kêu bằng "nồm", có lẽ chữ "nồm" ấy do chữ "nam" mà ra. Gió nồm tức là gió nam vậy.*

*Chữ "nồm" do chữ "nam" ra, tôi lấy chứng cứ ở đây, có điều cái chứng cứ này hơi mong manh một chút:*

"Tiếng Nam" hay là "chữ Nam", nghĩa là tiếng hoặc chữ của nước Nam, thì tục ta quen kêu bằng "tiếng nôm" hay "chữ nôm". Do chữ "nôm" ấy mà chuyển ra "nôm". Gió hướng nam thì gọi là "gió nôm".

Ai hiểu cái luật "chuyển âm" trong tiếng ta thì có thể tin cái thuyết ấy của tôi được một vài phần. Tiếng ta có nhiều tiếng chuyển như vậy. Như "miệng" (A) là cái miệng thì chuyển ra "miếng", nghĩa là vật gì vừa một miếng bỏ vô miệng. Lại như "mang" vật gì là verbe neutre, chuyển ra "máng" là verbe actif, nghĩa là bắt cái gì mang vật gì, như máng ách cho bò, máng áo trên móc, v.v... Còn nhiều chữ như vậy không kể hết.

Vậy thì "nam" chuyển ra "nôm", chuyển một lần nữa ra "nôm", cũng có lẽ lắm, mà đều nghĩa là cái gì thuộc về phương nam cả.

Gió "chướng" tức là gió đông, song tại sao lại kêu bằng "chướng"? Là vì mỗi khi gió ấy thổi tới (gió này từ Trung Bắc kỳ nhằm vào mùa mưa lụt), làm cho nước các sông bị cản lại, bị chướng tắc (nghĩa là ngăn lấp) lại, mà lâu rút ra biển (tục gọi là hàn cửa biển), nên gọi là gió chướng.

Lại gió bắc thì gọi là gió bắc, gió tây thì gọi là gió may, cũng có gọi là gió tây may. Bắc hẳn bởi chữ "bắc" mà ra. Còn tây sao gọi là may thì tôi chưa hiểu. Trong Truyện Kiều có câu "mưa vậy gió may" tức là gió tây.

Tôi nhớ như có người đã dùng chữ "gió vàng" để chỉ gió tây. Ấy là dịch chữ 金風 (kim phong) ra. Theo thuyết ngũ hành, phương tây thuộc "kim", cho nên gọi 西風 (tây phong) là 金風 (kim phong). Chữ 金 (kim) này là métal chứ không phải or, thế mà người ta cũng nói bướng là "vàng" đi để cho đẹp lời.

Có mấy điều sau ông không hỏi, song tôi cũng nói luôn thế.

## PHAN KHÔI

Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s. 178 (24. 11. 1932)' hết trích.

(A) lời chú thêm (Nguyễn Cung Thông): để ý miệng và miếng đều có một dạng chữ Nôm là mãnh 𠂔, mãnh là âm Hán Việt (母梗切, 音猛 mẫu ngành thiết, âm mãnh - Tập Vận) so với âm Hán cổ là \*miêng (武永切 vũ vĩnh thiết - Đường Vận). Tiếng Mường (Bi) còn dùng *đác mễnh* (nước miếng, *đác* là nác/nước, *mễnh* là miệng) so với các ngôn ngữ khác như Nyah Kur (Chao Bon, liên hệ đến Môn) ta thấy cách dùng *dáak páang* (nước miếng, *dáak* là nước, *páang* là miệng); tiếng Khme có *túc mót* (nước miếng, *túc* là nước, *mót* là miệng); tiếng Chăm còn dùng *ia pabah* (nước miếng, *ia* là nước *pabah* là miệng) ...v.v... Phạm trù nghĩa của miếng (ăn) cho thấy quan hệ phân nào đến miệng, do đó ngay cả các ngôn ngữ không dính líu gì đến tiếng Việt cũng có hiện tượng **miệng - miếng** như tiếng Pháp: *bouche* (miệng) so với *bouchée* (một miếng), tiếng Anh có danh từ *mouthful* nghĩa là một miếng (*mouth* là miệng). Các dữ kiện này cho ta cơ sở vững chắc để liên hệ miếng và miệng.

**3.2.2** Một bài viết quan trọng và liên hệ trực tiếp đến đề tài bài viết này là "*Một giả thuyết về từ nguyên của từ 'Nôm'*" của Trần Xuân Ngọc Lan/TXNL đăng trong Tạp Chí Hán Nôm số 1 trang 95-98 (1988). Cho rằng Nôm là âm Nam hay nôm na là đơn giản không đủ thuyết phục, TXNL đề nghị (âm) Nôm có nguồn gốc từ đôm/dom (nghĩa là nói) gần như chung cho các ngôn ngữ Môn Khmer và Mã Lai đa đảo lục địa. Tương quan đôm-nôm có thể giải thích khi so sánh các tiếng Mường và Việt như đak-nác (nước)... Dựa vào giai đoạn xuất hiện của phụ âm mũi đầu lưỡi tắc n trong tiếng Việt (và dựa theo H. Maspéro/1912), TXNL đề nghị từ 'Nôm' phải xuất hiện từ giai đoạn Tiên Việt sang giai đoạn Việt Cổ hay vào thế kỷ X.

**3.2.3** Vấn đề trở nên thú vị khi ta ngẫm nghĩ thêm về nguồn gốc giọng Quảng Nam. Trích từ Chương Dẫn Nhập của cuốn "*Có 500 năm như thế*" tác giả Hồ Trung Tú/HTT (Nhà Sách Phương Nam, 2011)

*'... Nhiều người không hiểu cái giọng nói của người Quảng Nam nó xuất phát từ đâu trong khi tất cả các gia phả của các dòng họ đều ghi rõ rằng thủy tổ của họ là người Nghệ An, Thanh Hóa, Hải Dương... vào đây. Giáo Sư Trần Quốc Vương bảo: "Thì các cụ vào đây đâu có đem vợ con đi được nên lấy vợ Chăm rồi sinh con để cái là cái chuyện hết sức bình thường. Vấn đề là các bà mẹ Chăm nói tiếng Việt ấy đã truyền lại cho con cái mình cái giọng của người Chăm nói tiếng Việt. Cái giọng đó chính là giọng Quảng Nôm nhà cậu" ...'* (hết trích). Tác giả HTT còn đề nghị là *'... người Quảng Nam nói tiếng Việt bằng giọng Chăm ...'*. Nên cẩn thận về ảnh hưởng của sự hoà nhập ngôn ngữ đa chiều: không chỉ 'ngưng' lại ở địa bàn tỉnh Quảng Nam bây giờ, thí dụ như tương quan **Nam Nôm Nôm** nói trên đã manh nha từ vùng Nghệ An qua các cách gọi (địa danh) dân dã như đên Cờn, cửa **Cờn** (Cần Hải), cửa **Thơi** (Thai Môn) ... Đây không nằm trong phạm vi bài viết nhỏ này nhưng cần được khai triển trong tương lai, để cho thấy những đóng góp không nhỏ của phương ngữ trong quá trình hình thành tiếng Việt.

**3.2.4** Thêm vài chi tiết về **âm Hán cổ** của Nam 南 là nôm. Nam giọng Bắc Kinh (theo pinyin) bây giờ đọc là nán, so với nam4 (giọng Quảng Đông) hay nam2 hay lam2 (giọng Triều Châu). Phục nguyên âm thượng cổ của chữ Nam 南 theo các học giả tiền bối

Karlgren: nu̯m

Lí Phương Quế: nəm

Vương Lực: niuəm

Baxter: nom

Trịnh Trương Thượng Phương: nuum

Phan Ngô Vân: noom

Âm cổ của nam 南 theo Axel Schuessler là \*nôm (chúng tôi đã ghi gần đúng theo cách đọc tiếng Việt thay vì theo IPA) trang 396, trong cuốn "ABC Etymological Dictionary of Old Chinese" (sdd). Học giả Lê Ngọc Trụ cũng liên hệ Nôm, Nôm đến Nam 南 - trang 356 trong cuốn "Tâm Nguyên Tự Điển Việt Nam" (NXB Thành Phố HCM, 1993). Học giả Paul Schneider cũng ghi

Nôm là âm cổ của Nam trong cuốn Dictionnaire Historique Des Idéogrammes Vietnamiens / (licencié en droit Nice, France : Université de Nice-Sophia Antipolis, R.I.A.S.E.M.) - trang 553; Học giả Bernhard Karlgren trong cuốn "Grammata serica recensa" (số thứ tự là GSR 650a, 1957, Stockholm) cũng ghi quá trình biến âm của 南 là nôm > nậm > nán (theo pinyin, nán là âm Bắc Kinh hiện đại, để ý phụ âm cuối -m trở thành -n). Học giả E. G. Pulleyblank cũng ghi nhận dạng nôm là âm cổ của nam 南 trong cuốn "Lexicon of reconstructed pronunciation in Early Middle Chinese, Late MC and Early Mandarin" (1991, Vancouver B. C.) trang 221.

Đây là vài dữ kiện từ một từ điển trên mạng Trung Quốc về âm cổ của 南 - xem trang này [[ytenx.org](http://ytenx.org)]

Lại một mạng tự điển Trung Quốc cũng cho thấy dạng âm cổ của Nam là nom - trích lại từ trang này [[tool.httpcn.com](http://tool.httpcn.com)]

[ 上古音 ] : 侵部泥母,n?m  
[ 广 韵 ] : 那含切,下平22覃,nán,咸開一平覃泥  
[ 平水韵 ] : 下平十三覃  
[ 唐 音 ] : \*nom  
[ 国 语 ] : nán,nā  
[ 粤 语 ] : naam4  
[ 闽南语 ] : lam5